

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thịnh Hùng; ông Trần Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 687/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Lý Văn S, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh S trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh S thường xuyên uống rượu bia về nhà kiểm chuyện gây gỗ vô cớ với chị, đôi lúc còn đánh đập chị. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Do thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Lý HD, sinh ngày 31-4-2001; Lý Hoàng D, sinh ngày 11-02-2003; Lý Hoàng Minh H, sinh ngày 11-3-2008. Hiện tại cháu HD và D đã thành niên tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Hạnh hiện đang sống chung với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lý Hoàng Minh H; tạm thời chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Văn S đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, anh S vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình và quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được do anh S vắng mặt. Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác;

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị H là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, anh Lý Văn S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh S.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H đối với anh Lý Văn S; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về con chung: Chị H và anh S chung sống vợ chồng có 03 con Lý HD, sinh ngày 31-4-2001; Lý Hoàng D, sinh ngày 11-02-2003; Lý Hoàng Minh H, sinh ngày 11-3-2008. Hiện tại cháu HD và D đã thành niên tự lao động sinh sống được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận; giao con chung là cháu Lý Hoàng Minh H cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận tạm thời chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung;

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TC ngày 17-7-2002, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị H và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị H trình bày vào năm 1999, chị tự nguyện sống vợ chồng với anh S, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn; chị H và anh S đã sống ly thân từ được khoảng 01 năm đến nay. Qua xác minh tại địa phương (bút lục 22) thể hiện: “Anh S thường hay uống rượu bia, về nhà gây gổ cãi nhau với vợ. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân”. Xét thấy, hôn nhân giữa chị H và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung tên là Lý HD, sinh ngày 31-4-2001; Lý Hoàng D, sinh ngày 11-02-2003; Lý Hoàng Minh H, sinh ngày 11-3-2008. Hiện tại cháu Lý HD và Lý Hoàng D đã thành niên, tự lao động được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Lý Hoàng Minh H đang sống chung cùng với chị H. Anh S và chị H đã sống ly thân hơn một năm nay. Cháu H là con gái và có nguyện vọng sống chung cùng với chị H nên giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận tạm thời chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lý Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H. Cho chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Lý Văn S.

2. Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung tên là Lý HD, sinh ngày 31-4-2001; Lý Hoàng D, sinh ngày 11-02-2003; Lý Hoàng Minh H, sinh ngày 11-3-2008. Do cháu Lý HD và Lý Hoàng D đã thành niên, tự lao động được nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Lý Hoàng Minh H, sinh ngày 11-3-2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lý Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001337 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho anh Lý Văn S và chị Nguyễn Thị Kim H biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Hội, H. Tân Châu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn